

Số: 1603/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cơ quan Bộ Giao thông vận tải phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cơ quan Bộ Giao thông vận tải phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023 và thay thế Quyết định số 2334/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, VP(KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Danh Huy

## Phụ lục

# DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỢC CÔNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



STT	Lĩnh vực hoạt động	Mã hiệu quy trình tương ứng
<b>I - LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG</b>		
1.	Cho phép nhập khẩu hàng hóa để nghiên cứu khoa học	QT.KHCN&M T.03
2.	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	QT.KHCN&M T.05
3.	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	QT.KHCN&M T.06
4.	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	QT.KHCN&M T.07
<b>II - LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>		
5.	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	QT.KHĐT.02
6.	Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có	QT.KHĐT.03
<b>III - LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ</b>		
7.	Xét tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua Ngành Giao thông vận tải	QT.TCCB.01
8.	Xét tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	QT.TCCB.02
9.	Xét tặng Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Giao thông vận tải	QT.TCCB.03
10.	Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển Giao thông vận tải Việt Nam”	QT.TCCB.05
<b>IV - LĨNH VỰC VĂN PHÒNG</b>		
11.	Quản lý công văn đi, đến Bộ Giao thông vận tải	QT.VP.01

12.	Quản lý tài sản, trang thiết bị	QT.VP.02
13.	Tổng hợp, xây dựng báo cáo	QT.VP.03
14.	Xây dựng Quyết định công bố thủ tục hành chính do các Cục là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	QT.VP.04
15.	Xây dựng Quyết định công bố thủ tục hành chính do các Vụ là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	QT.VP.05
16.	Cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	QT.VP.06
17.	Tham gia ý kiến về thủ tục hành chính tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong quá trình thẩm định và rà soát lần cuối trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành	QT.VP.07
18.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	QT.VP.08
19.	Xây dựng Quyết định công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành	QT.VP.09
20.	Giao nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước	QT.VP.10
21.	Ban hành Thông báo Kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Bộ	QT.VP.11
22.	Phối hợp thực hiện quản lý, thanh quyết toán ngân sách nhà nước của cơ quan Bộ Giao thông vận tải	QT.VP.12
<b>V - LĨNH VỰC VẬN TẢI</b>		
23.	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	QT.VT.01
24.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không	QT.VT.02
25.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không	QT.VT.04
26.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	QT.VT.05
27.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	QT.VT.06

28.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	QT.VT.08
29.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế	QT.VT.09
30.	Cấp Giấy phép kinh doanh hàng không chung	QT.VT.10
31.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hàng không chung	QT.VT.11
32.	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu vận chuyển chất phóng xạ	QT.VT.13
33.	Chấp thuận cho phương tiện cơ giới nước ngoài vào tham gia giao thông tại Việt Nam	QT.VT.15
<b>VI - LĨNH VỰC KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG</b>		
34.	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia	QT.KCHT.04
35.	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia	QT.KCHT.05
36.	Gia hạn Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia	QT.KCHT.06
37.	Bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia	QT.KCHT.07
38.	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang ( <i>Đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100km/h giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống</i> )	QT.KCHT.08
39.	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.09
40.	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	QT.KCHT.16
41.	Công bố đóng cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	QT.KCHT.17
42.	Đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	QT.KCHT.18
43.	Đổi tên cảng cạn	QT.KCHT.19
44.	Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn	QT.KCHT.20

45.	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã có chủ trương chuyển thành cảng cạn	QT.KCHT.21
46.	Chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn	QT.KCHT.22
47.	Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam	QT.KCHT.23
48.	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc	QT.KCHT.24
49.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải ( <i>Trường hợp chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của đường bộ cao tốc, trừ công trình điện lực có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống</i> )	QT.KCHT.25
50.	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải ( <i>Trường hợp chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của đường bộ cao tốc, trừ công trình điện lực có cấp điện áp từ 35 kV trở xuống</i> )	QT.KCHT.26
51.	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không	QT.KCHT.27
52.	Mở cảng hàng không, sân bay	QT.KCHT.28
53.	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	QT.KCHT.31
54.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ ( <i>Trường hợp đặc biệt phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình năng lượng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn</i> )	QT.KCHT.32

55.	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.33
56.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.34
57.	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.35
58.	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.36
59.	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.37
60.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.38
61.	Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động	QT.KCHT.39
62.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương ( <i>Trường hợp luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia</i> )	QT.KCHT.40
63.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không còn nhu cầu khai thác, sử dụng ( <i>Trường hợp luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia</i> )	QT.KCHT.41
64.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa ( <i>Trường hợp tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài</i> )	QT.KCHT.42
65.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa ( <i>Trường hợp các công trình, hoạt động quốc phòng, an ninh có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia</i> )	QT.KCHT.43

66.	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	QT.KCHT.44
67.	Cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không	QT.KCHT.45
<b>VII - LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG</b>		
68.	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác	QT.CQLĐTXD .01
<b>VIII - LĨNH VỰC CHỨNG THỰC</b>		
69.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.01